

# Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống mua bán người tại Việt Nam hiện nay

Nguyễn Khắc Hải\*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 14 tháng 1 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 2 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 08 tháng 3 năm 2013

**Tóm tắt:** Giai đoạn 2011-2015 đánh dấu một bước tiến trong hoạt động đấu tranh phòng chống mua bán người tại Việt Nam bằng việc ký kết hợp tác quốc tế với các nước cũng như thông qua một đạo luật và xây dựng kế hoạch quốc gia cho giai đoạn này. Nghiên cứu này phân tích thực trạng hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống mua bán người tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

## 1. Đặt vấn đề

Buôn bán người<sup>1</sup> là một dạng của nô lệ thời hiện đại. Sự vi phạm quyền con người này hình thành một loại tội phạm xâm hại đến cá nhân và Nhà nước, cần phải được nhận biết và trừng phạt bằng phương tiện pháp lý [1]. Buôn bán người, có nghĩa là thực hiện việc mua-bán người, hoặc việc tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hoặc tiếp nhận, nhằm mục đích bóc lột người đó [2]. Nhận thức được tính nguy hiểm của loại hoạt động này, cũng như việc cần

phải hợp tác ở mức độ quốc tế cho việc phòng và chống buôn bán người, cộng đồng quốc tế đã đưa ra những thỏa thuận chung thông qua các văn kiện quốc tế để tạo cơ sở pháp lý cho việc kiểm soát những hành vi mang tính tội phạm này. Những văn bản pháp lý quốc tế đã và đang hỗ trợ cho cộng đồng quốc tế và các quốc gia đấu tranh phòng chống buôn bán người có thể kể đến: Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989; Nghị định thư không bắt buộc bổ sung Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em năm 2000; Công ước của Liên Hợp Quốc về chống các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000; Nghị định thư về chống đưa người di cư trái pháp luật bằng đường bộ, đường biển và đường không bổ sung Công ước của Liên Hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000; Nghị định thư của Liên Hợp quốc về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và

\* ĐT: 84 - 946555595.

E-mail: vnucriminology@gmail.com

<sup>1</sup> Do cách hiểu về nội hàm của thuật ngữ "Mua bán người" và "Buôn bán người" chưa được thống nhất tại Việt Nam nên trong nghiên cứu này vẫn để giữ cách dùng riêng trong từng trường hợp. Trong Bộ Luật hình sự hiện hành và Luật phòng, chống mua bán người của Việt Nam dùng khái niệm "Mua bán người", còn trong các văn bản quốc tế, luật hình sự phần lớn các quốc gia cũng như các nhà nghiên cứu nước ngoài, và một số học giả Việt Nam lại sử dụng thuật ngữ "Buôn bán người". Việc sử dụng thuật ngữ không thống nhất đã gây khó khăn cho các nghiên cứu cũng như cản trở cho hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

trẻ em; v.v... Tình hình tội phạm buôn bán người mà đặc biệt là buôn bán người xuyên quốc gia trong những năm qua tại Việt Nam có xu hướng gia tăng cả về lượng và về chất cùng những phương thức, thủ đoạn đa dạng phức tạp trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập khiến cho sự quan tâm của Nhà nước và xã hội về vấn nạn này ngày càng sâu rộng. Để nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng và chống hoạt động buôn bán người mà đặc biệt là những trường hợp có tính chất xuyên quốc gia đòi hỏi phải phát triển hợp tác quốc tế song phương cũng như đa phương. Tầm quan trọng của hợp tác quốc tế trong việc giải quyết nạn buôn người đã được ghi nhận và thể hiện đậm nét trong Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015 và trong Luật phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

## **2. Thực trạng pháp luật việt nam liên quan đến hợp tác khu vực và hợp tác quốc tế về phòng, chống buôn bán người**

Bên cạnh những biện pháp về kinh tế, xã hội, các biện pháp tuyên truyền, giáo dục trong hệ thống nhà trường và trong cộng đồng, biện pháp phục hồi, tái hoà nhập cộng đồng cho nạn nhân, các Chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, phòng chống tội phạm, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến vấn đề lập pháp và hợp tác quốc tế, nhằm tạo ra những công cụ pháp lý hữu hiệu trong đấu tranh và hợp tác đấu tranh phòng, chống tệ nạn mua bán phụ nữ, trẻ em. Về lĩnh vực ký kết và gia nhập các văn kiện quốc tế, Việt Nam đã tham gia ký kết và là thành viên của nhiều công ước, văn kiện pháp luật quốc tế liên quan trực tiếp đến công tác phòng, chống tệ nạn mua bán người như: Công ước về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (phê chuẩn 17/02/1982), Công ước về quyền trẻ em (phê

chuẩn 28/9/1990), Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em về mua bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hoá phẩm khiêu dâm trẻ em (phê chuẩn 20/12/2001), Nghị định thư không bắt buộc bổ sung cho Công ước về quyền trẻ em về sự tham gia của trẻ em trong xung đột vũ trang (phê chuẩn 20/12/2001), Công ước số 182 về cấm và hành động ngay lập tức để xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (Phê chuẩn 19/12/2000), Công ước của Liên hiệp quốc về chống tội phạm có tổ chức liên quốc gia (ký 13/12/2000 nhưng chưa phê chuẩn).

Chúng ta cũng đã ký Hiệp định tương trợ tư pháp với nhiều nước trên thế giới, tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng cho hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bao gồm cả vấn đề mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Ngoài ra, chúng ta cũng đã ký các thỏa thuận song phương với Trung Quốc và Úc liên quan đến việc hợp tác trong đấu tranh phòng, chống một số loại tội phạm, trong đó có tội mua bán người. Đồng thời, chúng ta đã và đang tham gia vào các sáng kiến khu vực nhằm chặn đứng nạn mua bán phụ nữ và trẻ em. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được Chính phủ giao là cơ quan đầu mối Quốc gia tham gia vào 2 dự án tiểu vùng sông Mêkong về chống mua bán phụ nữ và trẻ em, do ILO//PEC và UNDP tài trợ (mã số RAS/98/H01).

Việt Nam tham gia và ký kết Văn kiện ghi nhớ và Kế hoạch hành động 06 nước Tiểu vùng sông Mê Kông (Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Mianma và Việt Nam). Ký Hiệp định song phương với Campuchia (2005); Việt Nam- Thái Lan (2008), Việt Nam - Trung Quốc (2010), sắp tới đây sẽ ký Việt Nam - Lào. Ngoài ra, Việt Nam đã ký 15 hiệp định song phương và 13 hiệp định tương trợ tư pháp về phòng, chống tội phạm với các nước, trong đó đều có nội dung phòng, chống tội phạm mua bán người.

Do mang tính xuyên quốc gia nên tội phạm mua bán người đã trở thành vấn đề toàn cầu, các tổ chức Quốc tế đã có các chương trình, dự án về phòng, chống mua bán người. Việt Nam đã tích cực tham gia hợp tác quốc tế về lĩnh vực này qua việc tham gia thực hiện các dự án như: “Đánh giá và đề xuất sửa đổi chính sách, kế hoạch chiến lược về phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em giai đoạn 2001-2010”; “Hoàn thiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em” do UNICEF tài trợ; Dự án “Chống lạm dụng và bóc lột tình dục thanh, thiếu niên” do ESCAP tài trợ...

Chúng ta đã triển khai các dự án khu vực về phòng chống mua bán phụ nữ, trẻ em, bao gồm Dự án Phòng, chống mua bán phụ nữ và trẻ em ở tiểu vùng Mêkong" do Liên minh các tổ chức quốc tế tài trợ, mã số RAS/98/H01, Dự án khu vực Phòng, chống mua bán phụ nữ và trẻ em ở tiểu vùng Mêkong" do ILO/IPEC tài trợ. Cả hai dự án đều tập trung vào các hoạt động thông tin truyền thông, nâng cao nhận thức; điều tra đánh giá nguyên nhân, thực trạng tình hình; xây dựng các mô hình can thiệp; dạy nghề, tạo việc làm, hoà nhập cộng đồng cho những nạn nhân bị mua bán.... nhằm mục tiêu chung là: ngăn chặn sự phát triển, giảm mức cao nhất tệ nạn mua bán phụ nữ và trẻ em; khắc phục hậu quả của tệ nạn này. Đồng thời, với việc triển khai hai dự án trên, Cục phòng, chống tệ nạn xã hội cũng triển khai thí điểm dự án “Nâng cao năng lực cộng đồng trong phòng, chống xâm hại tình dục trẻ em” tại hai tỉnh Đồng Tháp và Bà Rịa - Vũng Tàu, với kinh phí từ chương trình phòng, chống tệ nạn mại dâm.

Những cố gắng của chúng ta trong đấu tranh đối với tệ nạn mua bán người đã chứng tỏ quyết tâm của mình giải quyết vấn đề này thông qua hợp tác quốc tế đa phương. Các hiệp định song phương mà Việt nam đã ký kết với Trung quốc và úc là những công cụ pháp lý quan trọng

phục vụ cho việc ngăn ngừa, phát hiện, điều tra, truy tố và trừng trị những kẻ mua bán người. Trong tương lai, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu, đàm phán để ký kết các thỏa thuận song phương tương tự về tương trợ tư pháp với các nước trong khu vực sông Mêkong. Các thỏa thuận này nên có những cam kết về hợp tác trong việc trao đổi thông tin, thu thập chứng cứ, lời khai, chuyển giao tài liệu cũng như tiến hành các hoạt động truy tìm, tạm giữ và phong tỏa tài sản. Các hoạt động hợp tác này cũng nên thông qua một cơ quan đầu mối nhằm điều hành và đẩy nhanh tiến độ của các hoạt động hợp tác[3].

Đặc biệt là trong năm 2011, Việt Nam đã có Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015[4] và đã thông qua Luật phòng, chống mua bán người[5]. Luật phòng, chống mua bán người đã dành hẳn một chương gồm bốn Điều luật (từ Điều 53 đến 56) quy định về vấn đề hợp tác quốc tế thể hiện chính sách hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, tôn trọng độc lập, chủ quyền. Việt Nam khuyến khích các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp tác với các cơ quan hữu quan của các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc tăng cường năng lực pháp luật, thông tin, công nghệ và đào tạo về phòng, chống mua bán người và giải quyết vụ việc về mua bán người thực hiện theo quy định của các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp Việt Nam và nước có liên quan không cùng tham gia điều ước quốc tế thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện việc hợp tác quốc tế trên nguyên tắc có đi có lại, phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế. Thêm vào đó, Việt Nam cũng tạo mọi điều kiện thuận lợi trong

việc hồi hương nạn nhân là người nước ngoài trở về nước mà người đó có quốc tịch hoặc có nơi thường trú cuối cùng; áp dụng các biện pháp để việc hồi hương nạn nhân được tiến hành theo đúng pháp luật và thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với các nước, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân. Công tác tương trợ tư pháp cũng được coi trọng trên cơ sở các điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó cùng là thành viên hoặc trên nguyên tắc có đi có lại phù hợp với pháp luật của Việt Nam, pháp luật và tập quán quốc tế, đặc biệt là dành ưu tiên cho nước ký kết điều ước quốc tế song phương với Việt Nam sự tương trợ tư pháp trong hoạt động phòng, chống mua bán người.

Vấn đề hợp tác quốc tế cũng được coi là một trong những nội dung chủ đạo xuyên suốt trong Chương trình hành động phòng, chống mua bán người giai đoạn 2011-2015 của Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Ngay trong Phần I về quan điểm chỉ đạo, tăng cường hợp tác quốc tế trong thực hiện Chương trình đã được đề cập và được đưa thành một trong năm mục tiêu trong phần các mục tiêu cụ thể;

- Trong Phần II về phạm vi của Chương trình, nguồn lực được ưu tiên cho các tuyến, địa bàn trọng điểm, các thành phố lớn và các tỉnh giáp biên giới Trung Quốc, Campuchia và Lào. Sự tập trung nguồn lực ưu tiên cho các tỉnh giáp biên giới ba nước nêu trên được minh chứng bởi số liệu đã nêu tại Bảng 1 bên trên.

- Các giải pháp thực hiện chương trình trong Phần III cũng ghi nhận việc tăng cường hợp tác quốc tế, huy động sự hỗ trợ về tài chính, tư vấn chuyên môn, kỹ thuật trong phòng, chống tội phạm mua bán người, ưu tiên ký kết và triển khai các hiệp định, thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương với các

nước, các tổ chức quốc tế, nhất là các nước có chung đường biên giới, các nước trong khu vực và các nước có đồng người Việt Nam bị mua bán.

- Trong năm đề án của Phần IV thì có hai đề án liên quan đến hợp tác quốc tế. Đó là Đề án 4 về xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật về phòng, chống mua bán người có ghi nhận tại Chỉ tiêu 4 là hoàn thiện các thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê chuẩn và tổ chức triển khai thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người bổ sung cho Công ước. Một trong những nội dung thực hiện của Đề án 4 là Nghiên cứu, báo cáo Chính phủ trình Chủ tịch nước phê chuẩn và tổ chức triển khai thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người bổ sung cho Công ước. Đặc biệt là Đề án năm dành toàn bộ nội dung quy định về hợp tác quốc tế trong phòng, chống mua bán người với cơ quan chủ trì là Bộ Công an và các cơ quan phối hợp là Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và các bộ, ngành, tổ chức xã hội có liên quan.

Các chỉ tiêu cụ thể được đề ra đó là: a) Chỉ tiêu 1: 100% các điều ước quốc tế liên quan đến phòng, chống mua bán người mà Việt Nam là thành viên được tổ chức triển khai thực hiện và có cơ chế theo dõi giám sát; b) Chỉ tiêu 2: Hàng năm, tăng ít nhất 5% tỷ lệ phối hợp giải quyết các vụ việc mua bán người với các nước, các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật; c) Chỉ tiêu 3: 100% các dự án hợp tác quốc tế tài trợ hoặc hỗ trợ đảm bảo thực hiện đúng mục đích, yêu cầu và kế hoạch đề ra; d) Chỉ tiêu 4:

Đến năm 2013 xây dựng, đàm phán và ký kết hiệp định hợp tác song phương về phòng, chống tội phạm mua bán người ít nhất với 02 nước và đến năm 2015 với 05 nước.

Những nội dung thực hiện trong Đề án năm được chỉ rõ, đó là:

- Theo dõi, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các Điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm mua bán người mà Việt Nam là thành viên.

- Tham gia đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế của khu vực và thế giới về phòng, chống mua bán người.

- Xây dựng, củng cố và phát huy hiệu quả cơ chế phối hợp trong phòng, chống mua bán người với các nước, các tổ chức quốc tế, nhất là các nước trong khu vực, các nước Tiểu vùng sông Mê Kông.

- Tăng cường công tác thông tin đối ngoại như: Xây dựng trang web, biên soạn sách và xây dựng phim tài liệu bằng tiếng Anh.

- Trao đổi thông tin, giải quyết vụ việc mua bán người, giải cứu và hồi hương nạn nhân, chia sẻ kinh nghiệm và đào tạo nâng cao năng lực phòng, chống tội phạm mua bán người.

- Thu hút sự giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật của cộng đồng quốc tế cho công tác phòng, chống mua bán người.

- Chủ trì thực hiện các dự án hợp tác của Bộ Công an với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài về phòng, chống tội phạm mua bán người phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Giúp Chính phủ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc thực hiện các dự án hợp tác quốc tế khác về phòng, chống tội phạm mua bán người do các bộ, ngành và địa phương thực hiện.

- Nghiên cứu, đề xuất Chính phủ xây dựng các Hiệp định hợp tác song phương, đa phương,

ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế có liên quan đến phòng, chống tội phạm mua bán người.

### **3. Những giải pháp trong hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống buôn bán người tại Việt Nam**

Để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống buôn bán người tại Việt Nam, theo chúng tôi cần có những giải pháp sau đây:

#### *3.1. Nâng cao tính tương thích của pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế về đấu tranh phòng, chống buôn bán người*

Các quy định của và pháp luật Việt Nam về buôn bán người có một số điểm chưa thống nhất pháp luật quốc tế như sau:

a) Trong pháp luật Việt Nam chỉ có hai loại hành vi: mua và bán – chuyển giao người bị bán (nạn nhân) từ một người (nhóm người) này sang một người (nhóm người) khác để nhận tiền hoặc lợi ích vật chất khác. Do đó những hành vi như tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người không được quy định là dấu hiệu của hành vi buôn bán người mà chỉ được coi là những hành vi mang tính hỗ trợ cho hành vi mua và bán. Như vậy vai trò của những người thực hiện những hành vi này theo pháp luật Việt Nam là vai trò đồng phạm.

b) Pháp luật Việt Nam chỉ yêu cầu dấu hiệu định tội mua bán người là việc thực hiện hành vi mua, bán chứ không cần dấu hiệu mục đích bóc lột. Trong khi đó pháp luật quốc tế lại yêu cầu dấu hiệu này khi xác nhận về hoạt động buôn bán người. Điều này có thể dẫn đến một số khác biệt trong một số trường hợp giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế khi nhận thức về buôn bán người.

c) Pháp luật Việt Nam quy định trẻ em là người dưới 16 tuổi, trong khi đó pháp luật quốc tế thì quy định trẻ em là người dưới 18 tuổi.

Qua việc nghiên cứu bản chất của hiện tượng buôn bán người và thực tiễn đấu tranh phòng chống loại hoạt động nguy hiểm này cho thấy ngoài khái niệm “Buôn bán người” là cần thiết và bắt buộc phải đưa vào trong Luật, hai khái niệm “Mua-bán người” và “Mua bán người dưới 18 tuổi” có thể cần nhắc để đưa vào luật bởi chúng liên quan và làm rõ hơn nội hàm và các yếu tố cấu thành của khái niệm buôn bán người. Ngoài ra việc làm rõ khái niệm “Mua bán người dưới 18 tuổi” có ý nghĩa trong việc thống nhất pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam trong việc bảo vệ người vị thành niên – đối tượng được quan tâm đặc biệt của cộng đồng thế giới. Dưới đây là một số đề xuất có ý nghĩa tham khảo khi sửa đổi hoặc hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống buôn bán người:

**Buôn bán người** là việc mua-bán người hoặc là thực hiện những giao dịch bất hợp pháp có liên quan mà người đó trở thành đối tượng sở hữu, và thậm chí thực hiện, không phụ thuộc vào sự đồng ý của nạn nhân, với mục đích bóc lột hoặc trục lợi bất hợp pháp bằng những cách thức khác nhau, đề nghị, tuyển mộ, vận chuyển, chuyên giao, chứa chấp, tiếp nhận người bằng việc ép buộc, lừa đảo, lạm dụng vị trí chức vụ của mình, lợi dụng niềm tin và vị thế để bị tổn thương của nạn nhân của buôn bán người, hoặc hối lộ người mà nạn nhân phụ thuộc.

**Mua - bán người** là việc thực hiện sự thỏa thuận của hai bên nhằm chuyển người từ một người hoặc nhóm người này, tùy theo cơ sở hợp pháp hay không hợp pháp, cho người hoặc nhóm người kia nhằm trục lợi bất hợp pháp.

**Buôn bán người dưới 18 tuổi** được hiểu là bất cứ hành động hoặc giao dịch nào mà nhờ đó một người dưới 18 tuổi được chuyển giao bất

hợp pháp bởi cha mẹ chúng, bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người (nhóm người) khác mà người dưới 18 tuổi được giao lâu dài hay tạm thời, cho người (nhóm người) khác để nhận tiền hoặc sự đền bù khác, với mục đích bóc lột hoặc nhận lợi ích vật chất hay lợi ích khác, cũng như nhằm mục đích nhận con nuôi trái phép, không phụ thuộc vào phương thức được sử dụng.

### 3.2. Một số giải pháp khác

Bên cạnh giải pháp hoàn thiện trên, theo chúng tôi cần có một số giải pháp khác sau đây:

*Một là*, tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế toàn cầu như Liên hợp quốc, đặc biệt là với Ủy ban Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm và ma túy, với Interpol nhằm trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm và tìm kiếm sự cộng tác, đào tạo cán bộ, giúp đỡ kỹ thuật... tăng cường ký kết, gia nhập nhiều điều ước đa phương, nhất là chú trọng các điều ước quy định về tội phạm buôn bán người.

*Hai là*, nâng cao hiệu quả hợp tác với các nước khu vực. Việc hợp tác giữa các nước trong khu vực, đặc biệt là thông qua Aseanapol sẽ có tác dụng trực tiếp trong việc ngăn ngừa và làm giảm tội phạm buôn bán người ở Việt Nam. Cần phải nâng cao hiệu quả diễn đàn này bàn chương trình hành động thật cụ thể nhằm ngăn chặn bọn tội phạm buôn bán người dùng Việt Nam làm nơi trung chuyển-"quá cảnh" tội phạm.

*Ba là*, mở rộng hợp tác song phương với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và trên thế giới. Bởi việc thi hành các điều ước quốc tế đa phương toàn cầu và đa phương khu vực về phòng chống tội phạm buôn bán người có ý nghĩa rất lớn nhưng do mỗi nước có đặc điểm địa lý khác nhau, tình hình tội phạm khác nhau, mức độ hợp tác của các nước cũng khác nhau. Do đó, cần ký kết nhiều hơn nữa các hiệp

định song phương về tương trợ tư pháp hình sự, về dẫn độ tội phạm với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và nhất là mở rộng quan hệ hợp tác với tất cả các nước trong khu vực, đặc biệt quan tâm tới các nước Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia, Malaysia, Myanmar, Hồng Kông, Đài Loan và hợp tác với các nước khác có đông cộng đồng người Việt cư trú như Mỹ, Canada, Úc, Pháp, Nga...

*Bốn là*, thiết lập mạng lưới sỹ quan liên lực Cảnh sát với các nước có quan hệ hợp tác với ta để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động phòng ngừa và điều tra tội mua bán người xuyên quốc gia.

*Năm là*, chăm lo đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tinh thông nghiệp vụ, giỏi ngoại ngữ, có phẩm chất đạo đức tốt. Đảm bảo cho công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống tội phạm buôn bán người chính xác đúng pháp luật, cụ thể cần tổ chức đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán về các lĩnh vực dẫn độ tội phạm, tương trợ tư pháp hình sự quốc tế chuyên giao phạm nhân quốc tế. Đặc biệt là chú trọng đến đội ngũ cán bộ chuyên trách (Interpol). Cần tăng thêm số lượng để có một đội ngũ mạnh, đáp ứng với yêu cầu của thời đại.

*Sáu là*, ngoài ra, Nhà nước cần tạo điều kiện cho cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật tăng cường quan hệ đối ngoại, khảo sát học hỏi kinh nghiệm của các nước để áp dụng vào hoàn cảnh

cụ thể của Việt Nam, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm buôn bán người.

*Bảy là*, rà soát và phân định thẩm quyền giữa Bộ nội vụ, Bộ tư pháp, Bộ ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đồng thời cần thấy được sự cần thiết phải phối hợp giữa các cơ quan này với Interpol Việt Nam [6].

### Tài liệu tham khảo

- [1] Combating trafficking in persons. A Handbook for Parliamentarians No 16-2009. (Inter-Parliamentary Union, UNODC, UN.GIFT).
- [2] Уголовный Кодекс РФ. Статья 127.1. Торговля людьми (введена Федеральным законом от 08.12.2003 N 162-ФЗ).
- [3] Nguyễn Công Hồng, Tổng quan về hệ thống pháp luật liên quan đến phòng, chống buôn bán người và một số kiến nghị hoàn thiện, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, năm 2010, tr.161-162.
- [4] Chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua bán người giai đoạn 2011-2015 đã được Thủ tướng phê duyệt ngày 18/8/2011 trong Quyết định số 1427/QĐ-TTg.
- [5] Luật phòng, chống mua bán người của Việt Nam được thông qua ngày 29/03/2011 và có hiệu lực ngày 01/01/2012.
- [6] Lê Văn Chương. Buôn bán người ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp. Hội thảo “Phòng, chống buôn bán người: Viễn cảnh quốc tế, ASEAN và Việt Nam” ngày 02/12/2010.

## International cooperation in fighting against human trafficking in Vietnam today

Nguyễn Khắc Hải

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

**Abstract:** Period of 2011-2015 marks a progressive step in struggle against human trafficking in Vietnam by signing a number of international agreements between other countries as well as passed by a law and built a national strategy for this period. This study analyses actual situation of international cooperation on fighting against human trafficking in Vietnam and give some solutions.